TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/ HNGĐ - ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Duy Chinh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Liên Minh.
2. Ông Nguyễn Đức Trường Kháng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:Ông Nguyễn Đình Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: BàTrần Thị Quỳnh Anh- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số84/2024/QĐST - HNGĐ ngày13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Bị đơn: Anh Vũ Công N, sinh năm 1982.

Đều cư trú: Xóm C, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự có mặt chị T*, vắng mặt anh* N *lần 2 không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 *bày:* Tôi và anh Vũ Công N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UNBD xã C, thành phố T năm 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian dài đến năm 2023. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung dẫn đến

hôn nhân không hạnh phúc và thường xuyên cãi chửi nhau căng thẳng và thực tế vợ chồng đã ly hôn từ năm 2023 đến nay.

Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 18/01/2014. Hiện tại 02 con vẫn đang ở cùng với tôi. Tôi có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tôi đảm bảo việc nuôi con vì tôi có nhà đất và thu nhập khoảng 15 đến 16 triệu đồng/tháng. Công việc đang làm của tôi là làm nhân viên công ty J làm theo giờ hành chính..Anh N thì hiện tại không có công ăn việc làm và không có thu nhập.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tôi không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Vũ Công N:Tôi kết hôn với chị T vào năm 2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố T. Quá trình chung sống thì bình thường. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân được khoảng 01 năm nay và không ai quan tâm đến ai.

Nay chị T xin ly hôn thì tôi không nhất trí vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về conchung: Có 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 18/01/2014. Trong trường hợp phải ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi 01 cháu *(cháu nào cũng được)*. Hiện tại 02 con vẫn đang ở cùng với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thoả thuận giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do tôi không nhất trí ly hôn do đó tôi không đến Toà. Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt tôi theo quy định

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh N nhưng anh N không có mặt tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ được. Do vậy phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòachị T vẫn giữ nguyên yêu cầulà xin được ly hôn và xin được nuôi02 con chung là cháu A và cháu G. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà vắng mặt anh N chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đonchấp hành đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị T được ly hôn anh N. Về con chung:Giao 02 con chung cháu là cháu A và cháu G cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác..Về cấp dưỡng: Không xem xét vìnguyên đơn không yêu cầu. Về tài sản chung, và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xóm C, xã C, thành phố T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh N để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị T đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Công N1 hôn năm 2013trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố T là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là mẫu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống do không có tiếng nói chung, vợ chồng cãi chửi nhau thường xuyên và thực tế là vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay và không ai quan tâm đến ai.Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên kiên quyết xin được ly hôn. Anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhưng không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế anh N và chị T có mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, quá trình giải quyết vụ án chị T, anh N cũng không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Vợ chồng cũng đã ly thân một thời gian dài và không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị T, cho chị T được ly hônanh Namlà phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:Có 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 18/01/2014. Chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy chị T đảm bảo việc nuôi con vì thực tế 02 con vẫn đang ở cùng chị từ năm 2023 cho đến nay, các cháu đều là con gái và nguyện vọng của cháu A muốn ở cùng với chị T. Trong quá trình giải quyết thì chị T có cung cấp cho Toà án mức thu nhập của chị T từ 15 đến 16 triệu đồng/tháng. Hiện tại chị đang làm cho Công ty. Chị đảm bảo về mặt thời gian và nhà đất để nuôi con theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án thì anh N đều vắng mặt không có lý do. Do đó cần giao cho chị T nuôi dưỡng 02 con chung là cháu A và cháu G cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu và đề nghị do đó không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Công N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 18/01/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: HĐXX không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002828 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ DUY CHINH

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên*
- *VKSND thành phố Thái Nguyên;*
- *Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;*
- *UBND xã C;*
- *Lưu hồ sơ.*
- *Lưu VP.*

Biên bản kết thúc cùng ngày đã được HĐXX đọc lại và nhất trí toàn bộ nội dung trên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nhung được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Linh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kêt từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH